

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thay thế trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang;

Căn cứ Quyết định số 1870/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính công bố mới, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi quản lý của Ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang.

(Đính kèm Danh mục thủ tục hành chính và Phụ lục I, II)

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm cập nhật, hoàn chỉnh nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính và tổ chức đăng tải, niêm yết công khai tại địa điểm tiếp nhận, thực hiện thủ tục hành chính và gửi cho các đơn vị cấp huyện, cấp xã thực hiện đăng tải, niêm yết công khai theo đúng quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nội dung công bố các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này thay thế các nội dung thủ tục hành chính tương ứng đã được công bố tại Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 1870/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính công bố mới, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục Kiểm soát TTHC - VP. Chính phủ;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC. TK

E:\2021\KSTT\STN\22.10QĐ

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trương Cảnh Tuyên

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2034 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2021
của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH:

Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	Theo mục Phụ lục II kèm theo.

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

2.1. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất được thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	Theo Phụ lục II kèm theo
2	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	23 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã	Theo Phụ lục I kèm theo	Theo Phụ lục II kèm theo
3	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	03 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	03 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
4	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận.	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã	Theo Phụ lục I kèm theo	Theo Phụ lục II kèm theo
5	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
6	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	12 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
7	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	07 ngày (trích lục); 17 ngày (do đo đạc lại); 50 ngày (cấp đổi chính quy)	07 ngày (trích lục); 15 ngày (do đo đạc lại); 25 ngày (cấp đổi chính quy)			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
8	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã	Theo Phụ lục I kèm theo	Theo Phụ lục II kèm theo
9	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- 20 ngày (<i>đối với hồ sơ tổ chức</i>),			
10	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- 30 ngày (<i>đối với hồ sơ hộ gia đình cá nhân</i>),			
11	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất.		kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
12	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp.	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	12 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
13	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	12 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
14	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã	Theo Phụ lục I kèm theo	Theo Phụ lục II kèm theo
15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp <i>chuyển đổi</i> , chuyển nhượng, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận	10 ngày (<i>trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, tặng cho, góp vốn</i>); 03 ngày (<i>trường hợp cho thuê, cho thuê lại</i>).	10 ngày (<i>trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, tặng cho, góp vốn</i>); 03 ngày (<i>trường hợp cho thuê, cho thuê lại</i>).			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
16	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
17	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã	Theo Phụ lục I kèm theo	Theo Phụ lục II kèm theo
18	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
19	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bìa sung của Giấy chứng nhận do bị mất	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã	Theo Phụ lục I kèm theo	Theo Phụ lục II kèm theo
20	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		
21	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.				
22	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã		
23	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã		
24	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		

2.2. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Hòa giải tranh chấp đất đai	Không quá 45 ngày; đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện thì được tăng thêm 15 ngày	Bộ phận một cửa cấp xã	Không có.	Theo Phụ lục II kèm theo